

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST  
Ngày 24 - 5 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vy Ngọc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Văn Trường

Ông Hoàng Quang Tuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hiệt, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Lộc Anh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 28 tháng 02 năm 1985 xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn D, sinh năm 1958 và con bà Trương Thị H, sinh năm 1950; vợ Phùng Thị T sinh năm 1988; có 02 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 14/10/2017 có hành vi Trộm cắp tài sản, bị Công an phường Q, thành phố T ra Quyết định xử phạt hành chính số: 0053692/QĐ-XPHC ngày 20/10/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/3/2018 đến nay .Có mặt.

2. Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: Không có) sinh ngày 15 tháng 8 năm 1990 tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N sinh năm 1959, con bà Lê Thị K, sinh năm 1963; vợ Đặng Thị T, sinh năm 1993; có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2018 đến nay. Có mặt

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Nông Văn C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/02/2018 Công an huyện B nhận được tin báo của anh Nguyễn Văn T, về việc khoảng 14 giờ ngày 20/02/2018, anh đến nhà anh Hoàng Văn G bằng xe mô tô, trong khi ngồi chơi trong nhà anh G, xe mô tô để ngoài sân thì bị hai đối tượng lấy trộm, anh cùng mọi người đuổi theo, đồng thời gọi điện tới Công an xã V để chặn bắt. Nhận được tin báo Công an cụm xã V, huyện B đã triển khai lực lượng, phối hợp với quần chúng nhân dân chặn bắt tại khu vực thôn Vũ Lâm, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, khi hai đối tượng chạy xe đến, nhìn thấy lực lượng chức năng và nhân dân chặn, nên đã bỏ xe chạy lên đồi trốn thoát. Đến ngày 28/02/2018 Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã bắt được hai đối tượng trên. Qua đấu tranh khai thác đã xác định là Trần Văn C và Nguyễn Văn H đã thực hành vi Trộm cắp tài sản như nêu trên và đã bàn giao đối tượng cho Công an huyện B xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn C và Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 09 giờ, ngày 20/02/2018 Trần Văn C gọi điện cho Nguyễn Văn H, rủ lên Lạng Sơn xem có xe mô tô nào sơ hở thì lấy trộm để bán lấy tiền đánh bạc và tiêu sài. Do trước đó Trần Văn C đã có thời gian làm thợ xây tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn, người dân hay chủ quan trong việc quản lý tài sản, nhất là xe mô tô. Cả hai người đồng ý cùng đi bằng xe mô tô của Trần Văn C, xuất phát từ nhà đi theo quốc lộ 1B hướng Thái Nguyên – Lạng Sơn, đến địa phận Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cả hai phát hiện có một chiếc xe

mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius RC, màu đen-trắng dựng ở sân trước một nhà dân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. hai người điều khiển xe quay lại, để Nguyễn Văn H vào lấy trộm xe. Khi Nguyễn Văn H dắt xe ra khỏi sân và nổ máy thì bị phát hiện truy đuổi. Trần Văn C và Nguyễn Văn H mỗi người điều khiển một xe bỏ chạy theo hướng quốc lộ 1B hướng Thái Nguyên, đến khi phát hiện có lực lượng Công an chặn, thì cả hai bỏ xe mô tô để chạy trốn thoát thân. Tổ công tác Công an huyện B đã tiến hành thu giữ hai xe mô tô, lập biên bản để xác minh làm rõ, chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Siruis RC màu sơn đen-trắng, biển kiểm soát 12S1-09974 là của anh Nguyễn Văn T bị hai đối tượng vừa lấy trộm; chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Siruis RC màu sơn đen-trắng, biển kiểm soát 20F1-396.36 là của hai đối tượng bỏ lại.

Để có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật, ngày 28/02/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản, để xác định chiếc xe mô tô bị lấy trộm. Tại bản kết luận số 01/HĐ-ĐG ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Lạng Sơn xác định giá trị của chiếc xe mô tô, mà Trần Văn C và Nguyễn Văn H trộm cắp của anh Nguyễn Văn T, tại thời điểm bị mất trộm, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12S1 – 09974 có giá trị là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Đối với chiếc xe mô tô của hai bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi đi trộm cắp, bị thu giữ khi các bị cáo bỏ trốn, Công an huyện B đã bàn giao cho Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để xác minh, giải quyết trong vụ việc khác.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B, để xét xử bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận tội, với hành vi như Cáo trạng tuy tố, là đúng người, đúng tội, không oan

Bị hại anh Nguyễn Văn T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa có lời khai phù hợp về địa điểm, thời gian, hành vi trộm cắp tài sản của hai bị cáo. Nay bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, phát biểu luận tội: Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố hai bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn H phạm tội

“Trộm cắp tài sản”, mức án đối với bị cáo Trần Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam; Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng:

- Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 3 năm 2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, đối với hai bị cáo, không có tài sản riêng nên không đề nghị xem xét hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20 tháng 02 năm 2018, hai bị cáo rủ nhau từ nhà đi lên Lạng Sơn để thực hiện hành vi trộm cắp xe máy. Trên đường đi đến khu vực thuộc Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì phát hiện, phía bên phải đường có một chiếc xe mô tô, dựng trước sân của một nhà dân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Quan sát thấy không có người trông coi, hai bị cáo đã bàn nhau thực hiện lấy trộm chiếc xe này, bị cáo Nguyễn Văn H là người vào lấy trộm xe, còn Trần Văn C ngồi trên xe mô tô nổ máy đợi ngoài đường. Nhưng khi bị cáo Nguyễn Văn H vào lấy được xe, nổ máy thì bị chủ nhà phát hiện tri hô, nhưng bị cáo vẫn lấy được xe và bỏ chạy

theo hướng quốc lộ Lạng Sơn – Thái Nguyên, đến khu vực xã V tiếp giáp với tỉnh Thái Nguyên thì bị Công an và người dân chặn lại, biết không thoát, hai bị cáo đã bỏ lại hai xe chạy thoát thân. Chủ mưu vụ trộm cắp này là bị cáo Trần Văn C khởi xướng, rủ bị cáo Nguyễn Văn H tham gia, vì trước đây đã có thời gian bị cáo Trần Văn C lên huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn làm thợ xây, do đi lại nhiều nên dễ ý thấy người dân để xe mô tô rất chủ quan trong việc quản lý tài sản, lợi dụng sơ hở đó có thể lấy trộm một cách dễ dàng. Mục đích của cả hai bị cáo cùng đồng tình, lấy trộm xe về đem tiêu thụ lấy tiền ăn chơi, hành vi của các bị cáo là đồng phạm, rất đơn giản chỉ cần đi dọc đường, quan sát thấy tài sản sơ hở là lấy trộm và tẩu thoát. Tính chất hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vai trò hai bị cáo như nhau trong tính đồng phạm tội, bị cáo Trần Văn C là người khởi xướng rủ rê, nhưng bị cáo Nguyễn Văn H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Qua định giá xác định tài sản chiếc xe mô tô bị mất trộm trên, có giá trị là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Như vậy đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì nhất thiết còn cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan cho bị cáo, để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về nhân thân hai bị cáo: Hai bị cáo đều là người có đủ năng lực hành vi, có nhận thức, hiểu biết xã hội. Bản thân bị cáo Trần Văn C đã có một tiền sự, ngày 14 tháng 10 năm 2017 có hành vi trộm cắp tài sản, bị Công an phường Quang trung, thành phố Thái Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo chưa chấp hành, nay lại phạm tội mới. Do vậy bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ, theo quy định của pháp luật hình sự là “ Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân; tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Văn H tình tiết giảm nhẹ là điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Tuy bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật, nhưng cần áp dụng xử phạt bị cáo một mức án tù giam cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời

còn mang tính giáo dục chung và phòng ngừa riêng, đáp ứng được công tác phòng, chống những hành vi vi phạm pháp luật trong cộng đồng của địa phương.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và tự nguyện không đưa ra yêu cầu bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cả hai chiếc xe mô tô là vật chứng trong vụ án, đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, bản thân sống phụ thuộc gia đình và không có công việc, thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Văn H điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn C 09 (Chín) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01 tháng 3 năm 2018.

- Bị cáo Nguyễn Văn H 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với hai bị cáo.

## 2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, nay không có yêu cầu bồi thường

## 3. Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã xử lý vật chứng vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;  
(*Thay thông báo kết quả xét xử*);
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Toà; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vy Ngọc Linh**